

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THUY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 6 - 2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THUY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thuận Sơn và ông Trương Quang Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thơm, Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Hải L, sinh năm 1997;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn Ti, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Ngọc B, sinh năm 1992;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con ngày 05/01/2025, bản tự khai và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nguyên đơn chị L trình bày: Chị và anh B yêu nhau và đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 08/02/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ anh B tại thôn C, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh B nhiều lần đánh đập chị, nhưng vì thương con nên chị cố gắng chịu đựng, bỏ qua, tạo cho anh B cơ hội sửa chữa thiếu sót nhưng anh B vẫn chứng nào tật đó, không chịu thay đổi. Chịu không nổi hoàn cảnh đó nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình sinh sống từ năm 2019 và vợ chồng sống

ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh B có một con chung tên là Hoàng Ngọc Gia H, sinh ngày 11/12/2016, hiện đang sinh sống cùng chị. Sau ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh B không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án: Do điều kiện công việc, sức khỏe không đảm bảo nên bản thân chị không thể đến trực tiếp tại Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Ngọc B trình bày: Về quá trình yêu nhau, kết hôn, chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn anh nhất trí như sự trình bày của chị L. Anh xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết nên chị L yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị L có một con chung là Hoàng Ngọc Gia H, sinh ngày 11/12/2016, hiện đang sinh sống cùng chị L. Ly hôn, anh có nguyện vọng giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị L không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Ngô Thị Hải L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Hoàng Ngọc B là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn anh Hoàng Ngọc B có nơi cư trú tại thôn C, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Ngọc B có mặt, nguyên đơn chị L vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, bị đơn anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được pháp luật quy định. Nguyên đơn, chị L vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Theo trình bày của nguyên đơn và bị đơn thì chị L và anh B đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 08/12/2017, do đó hôn nhân giữa chị L và anh B là hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 02 năm thì đến năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến cãi vã, xích mích nhau làm tình cảm vợ chồng bị sút mẻ. Vì thương con, chị L đã chịu đựng để sống chung cũng như tạo cơ hội cho anh B sửa chữa thiếu sót nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng thực tế tình cảm không được hàn gắn, ngược lại mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn, dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử thấy, thực tế mâu thuẫn giữa chị L và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vợ chồng có một con chung là Hoàng Ngọc Gia H, sinh ngày 11/12/2016, hiện đang sinh sống cùng chị L. Quá trình giải quyết vụ án, chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; đối với anh B, anh đồng ý giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét thấy, con chung Hoàng Ngọc Gia H được sinh ra trước thời gian chị L và anh B xác lập quan hệ hôn nhân (đăng ký kết hôn vào ngày 08/02/2017) nhưng chị L và anh B đều thừa nhận Hoàng Ngọc Gia H là con chung nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc xác định người trực tiếp nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy, hiện tại con chung đang còn nhỏ, từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay đều do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, con chung cũng có nguyện vọng được sinh sống cùng chị L nếu chị L và anh B ly hôn nhau. Vì vậy, cần giao cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nhằm mục đích tạo sự ổn định trong sinh hoạt của con là phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của nguyên đơn, bị đơn, con chung; phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, Hội đồng xét xử thấy, tuy chị L không yêu cầu anh B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng để đảm bảo quyền lợi của con chung khi ly hôn cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh B, cần buộc người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 7 năm 2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với các Điều 82, 83, 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau này, nếu điều kiện của các bên thay đổi, vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Cả chị L và anh B đều thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; bị đơn anh B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 235 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Ngô Thị Hải L được ly hôn anh Hoàng Ngọc B.

2. Về nuôi con chung: Xử giao con chung Hoàng Ngọc Gia H, sinh ngày 11/12/2016 cho chị Ngô Thị Hải L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Hoàng Ngọc B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Hoàng Ngọc Gia H mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), kể từ tháng 7 năm 2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng Ngọc B có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Sau này, vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

3.1. Án phí ly hôn: Nguyên đơn chị Ngô Thị Hải L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Quảng Bình theo biên lai số 0004527 ngày 13/02/2025. (Chị Ngô Thị Hải L đã nộp đủ án phí ly hôn).

3.2. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Hoàng Ngọc B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị L và bị đơn anh B vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã N
- (Nơi ĐKKH để ghi vào sổ Hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn

